

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/ 2020/QĐ-UBND ngày tháng ... năm
2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN); các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Văn bản này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định của UBND thành phố về quản lý các nhiệm vụ KH&CN thành phố Đà Nẵng.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày	
				Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố $Hstcn=(Hcd \times Hkh)/22$	Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79	0,40
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49	0,25
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25	0,13
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16	0,08

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN là mức hệ số tối đa. Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 4. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

1. Thuê chuyên gia trong nước

a) Nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung thuê chuyên gia thực hiện theo hợp đồng khoán việc.

b) Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).

c) Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Quy định này và Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Trong trường hợp

đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 40.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước thì Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.

2. Thuê chuyên gia ngoài nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung thuê chuyên gia ngoài nước thực hiện theo hợp đồng khoán việc.

b) Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Quy định này và Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

c) Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Quy định này và Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN thì Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.

Điều 5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

1. Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được thực hiện theo các quy định của thành phố về định mức chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước và mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Hội thảo khoa học	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
- Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.500	750
- Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	500	250
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	2.000	1.000

- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000	500
- Thành viên tham gia hội thảo	Buổi hội thảo	200	100

Điều 6. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố được quy định tại Khoản 1, Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN tối đa không quá 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 8. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

1. Định mức chi tiền công cho hoạt động của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố	Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký khoa học, thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		300	150

	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		500	250
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.500	750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000	500
	Thư ký khoa học, thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		700	350
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.500	750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000	500
	Thư ký khoa học, thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		700	350
4	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN; chi kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; chi kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền chủ sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi thẩm định nhiệm vụ KH&CN trước khi nghiệm thu			
	Tổ trưởng	Nhiệm vụ	700	350
	Thành viên	Nhiệm vụ	500	250

Thư ký khoa học, thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	150
Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	100

2. Định mức chi tiền công cho các Hội đồng tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này là định mức tối đa.

3. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Đối với các Hội đồng tư vấn khác không quy định mức chi cụ thể, tùy theo tính chất Hội đồng có thể áp dụng định mức chi quy định tại văn bản này.

Điều 9. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được hỗ trợ tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tập hợp báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**